

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 6 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên và bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Mai Lý Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 188/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Khu phố 6, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2024 và bản trình bày ý kiến nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị N tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang vào ngày 08/5/2009. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Thương T1, sinh ngày 11/02/2010 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 03/10/2011 hai con đang sinh sống với bà N tại khu phố 6, phường T, thành phố P từ lúc sinh ra đến nay. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại tỉnh Ninh Thuận nhưng thời gian sau này thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Năm 2020, ông về quê ở xã Q, huyện H, tỉnh Bắc Giang sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm

sóc cho nhau. Nên ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông đề nghị giao 02 con là Nguyễn Thương T1, sinh ngày 11/02/2010 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 03/10/2011 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/4/2024 và trong quá trình giải quyết bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức T đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu phố 6, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Trong thời gian chung sống cùng nhau vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống gia đình, không thể hòa hợp được với nhau, không có tình cảm gia đình, không cùng nhau xây dựng được hạnh phúc. Từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng bà không còn sống chung, không gặp gỡ nhau, cũng không ai đặt vấn đề hàn gắn quay lại. Bà không còn tình cảm với ông T, nay ông T khởi kiện ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thương T1, sinh ngày 11/02/2010 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 03/10/2011. Các con đang sống với bà, ly hôn bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Bà buôn bán, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng, bà và các con đang ở nhà cùng cha mẹ và được cha mẹ hỗ trợ chăm sóc các cháu nên bà có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, Thư ký, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Đức T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Thị N. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ở phường T, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tranh chấp hôn nhân: ông T và bà N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19 ngày 08/5/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau này thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không có tình cảm gia đình. Từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng ông T, bà N không còn sống chung, hai vợ chồng không gặp gỡ nhau, cũng không ai đặt vấn đề hàn gắn quay lại, đều đồng ý thuận tình ly hôn.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thương T1 và Nguyễn Hoàng V. Xét yêu cầu của ông T về việc giao 02 con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, thấy rằng: Từ khi ông T và bà N không sống chung cùng nhau cho đến nay thì bà N là trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, bà N đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng các con, 02 cháu T1 và V đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu T1 và V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức T.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thương T1, sinh ngày 11/02/2010 và Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 03/10/2011 cho bà Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Ông Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001881 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- CCTHADS TP. PR- TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (GCNKH số: 19, ngày 08/5/2009);
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Diệu